

Số: 1248 /TM-CNPC

Thái Nguyên, ngày 25 tháng 8 năm 2024

THƯ MỜI

Nhà cung cấp báo giá công việc Bảo dưỡng, sửa chữa xe ô tô 20C – 077.47, 20C – 006.77 và máy gạt T140-1 máy số 1

Kính gửi: Các nhà cung cấp

Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn – TKV chuẩn bị có kế hoạch Bảo dưỡng, sửa chữa xe ô tô 20C – 077.47, 20C – 006.77 và máy gạt T140-1 máy số 1.

Căn cứ kinh nghiệm và năng lực của nhà cung cấp, Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn – TKV mời nhà cung cấp đến để nghiên cứu, khảo sát và báo giá cho gói cung cấp: Bảo dưỡng, sửa chữa xe ô tô 20C – 077.47, 20C – 006.77 và máy gạt T140-1 máy số 1.

Chi tiết như Phụ lục kèm theo

1. Yêu cầu về bản báo giá:

- Bản báo giá phải ghi đầy đủ thông tin như: **Tên Công ty, địa chỉ công ty và số điện thoại của người phụ trách báo giá.**

- Bản báo giá phải ghi rõ đơn vị tính, xuất xứ, số lượng, đơn giá, thành tiền.

- Thời gian thực hiện: **75 ngày kể Từ ngày hợp đồng có hiệu lực.**

- Hiệu lực báo giá: **≥ 30 ngày kể từ ngày báo giá.**

- Trước khi gửi Bản báo giá gốc, Nhà cung cấp gửi bản báo giá scan về địa chỉ email: **kehoachvattucaongan@gmail.com**

2. Địa điểm thực hiện: Tại nhà cung cấp

3. Thời gian nộp báo giá: Chậm nhất vào ngày 26/8/2024.

4. Đầu mối liên hệ:

- Ông: Đào Xuân Hưng

Chuyên viên phòng KHĐT-VT.

Điện thoại: 0982803456

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Email: truyenthongtkv@vinacom.vn (để đăng tải);
- Email: quyennb@vinacom.power.vn (để đăng tải);
- Lưu: Văn thư, KH-ĐT-VT.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Hoài Trung

PHỤ LỤC: SỬA CHỮA, BẢO DƯỠNG XE Ô TÔ 20C- 077.47,

20C – 006.77 VÀ MÁY GẠT T140-1 MÁY SỐ 1

A. XE Ô TÔ 20C – 077.47:

I. Vật tư chính và nhân công

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
I	Phần động cơ			
1.1	Máy nén khí.(HOWO-2004)	Bộ	01	
1.2	Bơm nước động cơ.(HOWO-2004)	Bộ	01	
1.3	Lọc tinh nhiên liệu.(WK962/7)	Cái	01	
1.4	Lọc thô nhiên liệu.(DX150)	Cái	01	
1.5	Lọc dầu máy.(JX0818A)	Cái	02	
1.6	Lọc gió.(HOWO-2004)	Bộ	01	
1.7	Dây ga.(HOWO-2004)	Bộ	01	
1.8	Dây đai động cơ.(1550)	Cái	02	
1.9	Gioăng nắp dàn cò	Bộ	01	
1.10	Dầu bôi trơn động cơ.(SAE15W40)	Lít	20	
1.23	Nhân công tháo lắp, vệ sinh, bảo dưỡng và sửa chữa phần động cơ	Bộ	01	
II	Ly hợp, hộp số.			
2.1	Đĩa côn.(HOWO-2004)	Bộ	01	
2.2	Tổng côn dưới.(HOWO-2004)	Bộ	01	
2.3	Tổng côn trên.(HOWO-2004)	Bộ	01	
2.4	Bi tỳ.(HOWO-2004)	Vòng	01	
2.5	Bàn ép côn.(HOWO-2004)	Bộ	01	
2.6	Tuy ô dầu côn.(Ø12x2000)	M	02	
2.7	Dầu côn.(DOT3)	Lít	02	
2.8	Phốt cụm lai bơm ben.(70x52x10)	Cái	02	
2.9	Rô tuyn đầu cần số.(M18)	Cái	02	
2.10	Cao su chân số	Cái	02	
2.11	Van hơi chuyển tầng.(HOWO-2004)	Bộ	01	
2.12	Phốt đuôi hộp số.(85x105x16)	Cái	02	
2.13	Dầu hộp số.(SAE80W90)	Lít	18	
2.14	Nhân công tháo lắp, vệ sinh, bảo dưỡng và sửa chữa phần ly hợp, hộp số	Xe	01	
III	Các đăng, cầu giữa+sau			
3.1	Phốt moay ơ sau.(190x220x30)	Cái	04	
3.2	Phốt cổ pông.(85x105x16)	Cái	03	
3.3	Phốt đầu tấm pét.(55x70)	Cái	4	
3.4	Bi trong moay ơ sau.(32222)	Vòng	4	
3.5	Bu lông tắc kê sau.(23x135)	Bộ	5	
3.6	Bu lông cát đăng.(M16x45x1,5)	Bộ	12	
3.7	Bi chữ thập các đăng.(57x144)	Bộ	04	
3.8	Bi rọ bánh răng đầu moay ơ 28x40x27	Vòng	20	

3.9	Dầu cầu.(SAE80W90)	Lít	40	02 Cầu
3.17	Nhân công tháo lắp, vệ sinh, bảo dưỡng và sửa chữa phần các đăng, cầu giữa và sau	Xe	01	
IV	Cầu trước + hệ thống lái			
4.1	Trục ắc phi nhê 43x45x47	Cái	2	
4.2	Căn phẳng ắc phi dê.(Ø48xØ80x2)	Cái	2	
4.3	Phốt may ơ trước.(140x160x12)	Cái	2	
4.4	Bì ngoài moay ơ trước.(32310)	Vòng	2	
4.5	Bì trong moay ơ trước.(32314)	Vòng	2	
4.6	Bì tỳ trục lái.(329910)	Vòng	02	
4.7	Bạc trên trục lái.(Ø47xØ55x35)	Cái	02	
4.8	Bạc dưới trục lái.(Ø47xØ55x35)	Cái	02	
4.9	Rô tuyn ba ngang.(Ø27x30)	Bộ	02	
4.10	Rô tuyn ba dọc.(Ø24x30)	Bộ	02	
4.11	Cao su thanh cân bằng	Cái	2	
4.12	Tuy ô dầu lái.(Ø24x700)	M	2,5	
4.13	Dầu lái.(AWH46)	Lít	07	
4.14	Nhân công tháo lắp, vệ sinh, bảo dưỡng và sửa chữa phần các trục và hệ thống lái	Xe	01	
V	Hệ ben			
5.1	Phốt ty của bầu lên ben (HOWO-2004)	Bộ	01	
5.2	Van mở hơi lên ben.(HOWO-2004)	Bộ	01	
5.3	Bơm ben.(HOWO-2004)	Bộ	01	
5.4	Ty ô dầu lên ben .(Ø25x1200)	Cái	01	
5.5	Dầu ben.(AWH46)	Lít	80	
5.6	Nhân công tháo lắp, vệ sinh, bảo dưỡng và sửa chữa hệ ben	Xe	01	
VI	Hệ thống treo+phanh			
6.1	Căn ba lăng xê.(Ø111x122)	Cái	02	
6.2	Bạc ba lăng xê GAC110	Bộ	04	
6.3	Bạc thép lá nhíp trước.(Ø40x135x70)	Cái	04	
6.4	Ắc nhíp trước.(Ø30x155)	Cái	04	
6.5	Cóc tăng phanh.(HOWO-2004)	Bộ	02	
6.6	Trục cam phanh.(HOWO-2004)	Cái	02	
6.7	Phốt chặn mỡ ba lăng xê.((HOWO-2004))	Cái	02	
6.8	Bầu phanh lốc kê.(HOWO-2004)	Bộ	02	
6.9	Van chia hơi (HOWO-2004)	Cái	01	
6.10	Giảm sóc trục trước.(HOWO-2004)	Bộ	02	
6.11	Nhân công tháo lắp, vệ sinh, bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống treo + phanh	Xe	01	
VII	Phân điện, điều hoà			
7.1	Máy phát điện.(HOWO-2004)	Bộ	01	
7.2	Đèn pha.(HOWO-2004)	Bộ	02	
7.3	Đèn hậu.(HOWO-2004)	Bộ	02	
7.4	Công tắc tổng hợp.(HOWO-2004)	Bộ	01	

7.5	Đèn xin nhan	Cái	02	
7.6	Nhân công tháo lắp, vệ sinh, bảo dưỡng và sửa chữa phần điện và điều hoà	Xe	01	
VIII	Ca bin			
8.1	Ổ khóa cánh cửa.(HOWO-2004)	Bộ	01	
8.2	Tay mở cửa ngoài.(HOWO-2004))	Cái	01	
8.3	Tay quay nâng kính.(HOWO-2004)	Cái	01	
8.4	Bọc trần và vách chống ồn.(HOWO-2004)	Bộ	01	
8.5	Xy lanh nâng ca bin.(HOWO-2004)	Bộ	01	
8.6	Giám sóc ca bin sau.(HOWO-2004)	Bộ	04	
8.7	Ty ô kích ca bin (HOWO-2004)	Bộ	01	
8.8	Thép tấm	Kg	10	
8.9	Nhân công tháo lắp, bảo dưỡng, sửa chữa phần ca bin. Sơn lại ca bin	Xe	01	

II. Vật tư tiêu hao phụ

STT	Vật tư phụ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Căn lá 0.02 – 1.5	Kg	01	
2	Giấy giáp thô, tinh	Cuộn	02	
3	Đá xếp đánh bóng	Viên	05	
4	Chổi rửa	Cái	10	
5	Chổi đánh gi lắp trên máy	Cái	20	
6	Giẻ lau	Kg	10	
7	Dầu rửa	lít	20	
8	Keo chịu dầu	Tuýp 75 g	04	
9	Sơn chống rỉ	Kg	10	
10	Sơn màu	Kg	10	
11	Que hàn CT3	Kg	15	

B. XE Ô TÔ 20C – 006.77

I. Vật tư chính và nhân công

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
I	Phần động cơ			
1.1	Bộ gioăng động cơ.(Chenglong-2011)	Bộ/máy	01	
1.2	Phốt ghít xupap.(Chenglong-2011)	Cái	24	
1.3	Bộ hơi.(Chenglong-2011)	Bộ/máy	01	
1.4	Máy nén khí.(Chenglong-2011)	Bộ	01	
1.5	Bơm nước động cơ.(Chenglong-2011)	Bộ	01	
1.6	Lọc tinh nhiên liệu.(CX1011)	Cái	01	
1.7	Lọc thô nhiên liệu.(CX1014A)	Cái	01	

1.8	Lọc dầu máy.(JX1011B)	Cái	02	
1.9	Lọc gió.(Chenglong-2011)	Bộ	01	
1.10	Gioăng lắp dàn cò (Chenglong-2011)	Bộ	01	
1.11	Gioăng mặt máy	Bộ	01	
1.12	Bi bánh đà.(Chenglong-2011)	Vòng	01	
1.13	Đêm chân máy.(Chenglong-2011)	Bộ	04	
1.14	Xi lanh hơi tắt máy.(Chenglong-2011)	Bộ	04	
1.15	Dây ga.(Chenglong-2011)	Bộ	01	
1.16	Dây đai động cơ.(1550)	Cái	01	
1.17	Bu ly tăng dây đai.(Chenglong-2011)	Bộ	01	
1.18	Bơm tay.(Chenglong-2011)	Bộ	01	
1.19	Khớp nối giảm thanh ống xả	Bộ	01	
1.20	Giảm thanh ống xả.(Chenglong-2011)	Bộ	01	
1.21	Dầu bôi trơn động cơ.(SAE15W40)	Lít	36	
1.22	Nhân công tháo lắp, vệ sinh, bảo dưỡng và sửa chữa phần động cơ	Xe	01	
II	Ly hợp, hộp số.			
2.1	Đĩa côn.(Chenglong-2011)	Bộ	01	
2.2	Tổng côn dưới.(Chenglong-2011)	Bộ	01	
2.3	Tổng côn trên.(Chenglong-2011)	Bộ	01	
2.4	Tuy ô dầu côn.(Ø12x2000)	M	02	
2.5	Dầu côn.(DOT30)	Lít	02	
2.6	Phốt cụm lai bơm ben.(70x52x10)	Cái	02	
2.7	Rô tuyền đầu cần số.(M18)	Cái	02	
2.8	Dây đi số.(Chenglong-2011)	Bộ	02	
2.9	Tay số chuyển tầng.(Chenglong-2011)	Bộ	01	
2.10	Van hơi chuyển tầng.(Chenglong-2011)	Bộ	01	
2.11	Phốt đuôi hộp số.(85x105x16)	Cái	02	
2.12	Giá đỡ dây đi số	Cái	01	
2.13	Dầu hộp số.(SAE80W90)	Lít	18	
2.14	Nhân công tháo lắp, vệ sinh, bảo dưỡng và sửa chữa phần ly hợp, hộp số	Xe	01	
III	Các đăng, cầu giữa+sau			
3.1	Phốt moay ơ sau.(190x220x30)	Cái	04	
3.2	Phốt cổ pông.(85x105x16)	Cái	03	
3.3	Phốt đầu tấm pét.(55x70)	Cái	4	
3.4	Bi trong moay ơ sau.(32222)	Vòng	2	
3.5	Bu lông tắc kê sau.(23x135)	Bộ	3	
3.6	Chấn bụi tấm bua phanh	Bộ	2	
3.7	Cụm vi sai giữa 2 cầu.(Chenglong-2011)	Cụm	01	
3.8	Bi đỡ vi sai giữa 2 cầu trước.(6212)	Vòng	01	
3.9	Bi đỡ vi sai giữa 2 cầu sau.(6019)	Vòng	01	
3.10	Bu lông cát đăng.(M16x45x1,5)	Bộ	12	
3.11	Bi chữ thập các đăng.(57x144)	Bộ	02	
3.12	Dầu cầu.(SAE80W90)	Lít	40	02 Cầu
3.13	Dầu đầu máy ơ.(SAE80W90)	Lít	32	

3.10	Nhân công tháo lắp, vệ sinh, bảo dưỡng và sửa chữa phần các đăng, cầu giữa và sau	Xe	01	
IV	Cầu trước + hệ thống lái			
4.1	Cần phanh ắc phi dê.(Ø48xØ80x2)	Cái	2	
4.2	Phốt may ơ trước.(140x160x12)	Cái	2	
4.3	Bì ngoài moay ơ trước.(32310)	Vòng	2	
4.4	Bì trong moay ơ trước.(32314)	Vòng	2	
4.5	Bì tỳ trục lái.(329910)	Vòng	04	
4.6	Bạc trên trục lái.(Ø47xØ55x35)	Cái	02	
4.7	Bạc dưới trục lái.(Ø47xØ55x35)	Cái	02	
4.8	Rô tuyn ba ngang.(Ø27x30)	Bộ	02	
4.9	Rô tuyn ba dọc.(Ø24x30)	Bộ	02	
4.10	Tuy ô dầu lái.(Øx700)	M	2,5	
4.11	Trục ắc phi nhê 43x45x47	Cái	02	
4.12	Dầu lái.(AWH46)	Lít	07	
4.12	Nhân công tháo lắp, vệ sinh, bảo dưỡng và sửa chữa cầu trước, hệ thống lái	Xe	01	
V	Hệ ben			
5.1	Van mở hơi lên ben.(Chenglong-2011)	Bộ	01	
5.2	Bơm ben.(Chenglong-2011)	Bộ	01	
5.3	Trục các đăng ben.(Chenglong-2011)	Cái	01	
5.4	Ty ô dầu lên ben .(Ø25x1200)	Cái	01	
5.5	Dầu ben.(AWH46)	Lít	80	
5.6	Nhân công tháo lắp, vệ sinh, bảo dưỡng và sửa chữa hệ ben	Xe	01	
VI	Hệ thống treo+phanh			
6.1	Cần ba lăng xê.(Chenglong-2011)	Cái	02	
6.2	Bạc ba lăng xê.(Chenglong-2011)	Cái	04	
6.3	Bạc thép lá nhíp trước.(Ø40x135x70)	Cái	06	
6.4	Ắc nhíp trước.(Ø30x155)	Cái	04	
6.5	Vú mỡ ắc nhíp	Cái	04	
6.6	Quang nhíp trước.(Chenglong-2011)	Bộ	04	
6.7	Bu lông xăng tan nhíp trước.(Ø12x350)	Bộ	04	
6.8	Cóc tăng phanh.(Chenglong-2011)	Bộ	02	
6.9	Lá nhíp trước.(Chenglong-2011)	Cái	02	
6.10	Phốt chặn mỡ ba lăng xê.(Chenglong-2011)	Cái	02	
6.11	Bầu phanh lộc kê.(Chenglong-2011)	Bộ	01	
6.12	Van mở hơi phanh tay.(Chenglong-2011)	Bộ	01	
6.13	Tổng thành phanh chân	Cái	01	
6.14	Giảm sóc trục trước.(Chenglong-2011)	Bộ	02	
6.15	Tổng thành bầu lọc khí	Bộ	01	
6.16	Van chia hơi	Cái	01	
6.11	Nhân công tháo lắp, vệ sinh, bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống treo + phanh	Xe	01	
VII	Phần điện, điều hoà			

7.1	Máy phát điện.(Chenglong-2011)	Bộ	01	
7.2	Đèn pha.(Chenglong-2011)	Bộ	02	
7.3	Đèn hậu.(Chenglong-2011)	Bộ	02	
7.4	Công tắc mát điện 24V	Bộ	01	
7.5	Cảm biến tốc độ.(Chenglong-2011)	Bộ	01	
7.6	Công tắc tổng hợp.(Chenglong-2011)	Bộ	01	
7.7	Cảm biến vòng tua động cơ.(Chenglong-2011)	Bộ	01	
7.8	Còi điện 24V	Bộ	01	
7.9	Ổ khoá điện	Bộ	01	
7.10	Cảm biến đèn phanh	Cái	01	
7.11	Đồng hồ nhiệt độ nước động cơ 24V	Bộ	01	
7.12	Chổi gạt mưa	Bộ	02	
7.13	Động cơ gạt mưa.(Chenglong-2011)	Bộ	01	
7.14	Rơ le trung gian.(Chenglong-2011)	Cái	02	
7.15	Lốc điều hoà.(Chenglong-2011)	Bộ	01	
7.16	Dàn nóng điều hoà.(Chenglong-2011)	Bộ	01	
7.17	Dàn lạnh điều hoà.(Chenglong-2011)	Bộ	01	
7.18	Quạt dàn lạnh.(Chenglong-2011)	Bộ	01	
7.19	Quạt dàn nóng.(Chenglong-2011)	Bộ	01	
7.20	Van tiết lưu.(Chenglong-2011)	Bộ	01	
7.21	Van ổn nhiệt.(Chenglong-2011)	Bộ	01	
7.22	Van an toàn.(Chenglong-2011)	Bộ	01	
7.23	Phin lọc ga điều hoà	Bộ	01	
7.24	Ga điều hoà	Kg	1.5	
7.25	Dầu lốc điều hoà	Lít	0.2	
7.26	Tuy ô điều hoà	m	04	
7.27	Nhân công tháo lắp, vệ sinh, bảo dưỡng và sửa chữa phần điện và điều hoà	Xe	01	
VIII	Ca bin			
8.1	Tay mở cửa trong.(Chenglong-2011)	Cái	02	
8.2	Tay quay nâng kính.(Chenglong-2011)	Cái	02	
8.3	Bọc trần chống ồn.(Chenglong-2011)	Bộ	01	
8.4	Chân ca bin trước.(Chenglong-2011)	Bộ	02	
8.5	Giảm sóc ca bin trước.(Chenglong-2011)	Bộ	02	
8.6	Giảm sóc ca bin sau.(Chenglong-2011)	Bộ	02	
8.7	Cao su trải sàn.(Chenglong-2011)	Cái	02	
8.8	Bọc ghế bên phụ.(Chenglong-2011)	Bộ	01	
8.9	Thép tấm	Kg	20.7	Phục vụ sửa chữa
8.10	Kính chắn gió trước. (Chenglong-2011)	Bộ	01	
8.11	Kính cửa bên phụ. (Chenglong-2011)	Bộ	01	
8.12	Vè chắn nắng (Chenglong-2011)	Cái	01	
8.13	Xy lanh nâng ca bin (Chenglong-2011)	Cái	01	
8.14	Thanh giằng gạt mưa	Bộ	01	
8.15	Bình nước phụ	Cái	01	

8.16	Nhân công tháo lắp, bảo dưỡng, sửa chữa phần ca bin. Sơn lại ca bin	Xe	01	
------	---	----	----	--

II. Vật tư tiêu hao phụ

STT	Vật tư phụ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Căn lá 0.02 – 1.5	Kg	01	
2	Giấy giáp thô, tinh	Cuộn	02	
3	Đá xép đánh bóng	Viên	05	
4	Chổi rửa	Cái	10	
5	Chổi đánh gi lắp trên máy	Cái	20	
6	Giẻ lau	Kg	10	
7	Dầu rửa	lít	20	
8	Keo chịu dầu	Tuýp 75 g	04	
9	Sơn chống rỉ	Kg	10	
10	Sơn màu	Kg	10	
11	Que hàn CT3	Kg	25	

C. MÁY GẠT T140 MÁY SỐ 1

I. Vật tư chính và nhân công

STT	Nội dung công việc	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
I	Cụm khung xe, vỏ ca bin, bao che.			
1.1	Ô khóa cánh cửa+tay mở bên trái.(T140)	Bộ	01	
1.2	Kính chắn gió bên phụ	M2	01	
1.3	Gioăng kính chắn gió bên phụ	M	2,5	
1.4	Cao su trải sàn.(T140)	M2	02	
1.5	Bọc vách ca bin.(T140)	M2	02	
1.6	Nhân công tháo lắp, bảo dưỡng, sửa chữa phần ca bin. Sơn lại ca bin	Xe	01	
II	Cụm động cơ			
2.1	Dầu động cơ SAE 15W40	lít	30	
2.2	Lọc thô nhiên liệu.(DX150)	cái	01	
2.3	Lọc tinh nhiên liệu.(HFS/W009)	cái	01	
2.4	Lọc gió động cơ. (AS1312)	Bộ	01	
2.5	Kim phun. (T140)	Cái	06	
2.6	Pis ton bơm cao áp. (T140)	Cái	06	
2.7	Gioăng động cơ. (T140)	Bộ	01	
2.8	Phốt ghít xupap. (T140)	Cái	12	
2.9	Bộ hơi. (T140)	Bộ/máy	01	

2.10	Gioăng mặt quy lát. (T140)	Cái	01	
2.11	Bơm nước động cơ. (T140)	Bộ	01	
2.12	Bơm dầu bôi trơn động cơ. (T140)	Bộ	01	
2.13	Dây đai cánh quạt. (9640)	Cái	01	
2.14	Dây đai điều hoà 6650	Cái	01	
2.15	Dầu động cơ SAE 15W40	lít	30	
2.16	Nhân công tháo lắp, vệ sinh, bảo dưỡng và sửa chữa phần động cơ	Xe	01	
III	Cụm ly hợp, hộp số			
3.1	Vòng bi. (2319)	Vòng	01	
3.2	Vòng bi. (SK3609)	Vòng	01	
3.3	Vòng bi. (2142)	Vòng	01	
3.4	Gioăng phốt côn số	Bộ	01	
3.5	Bánh răng số	Cái	02	
3.6	Vành đồng tốc	Cái	02	
3.7	Dầu số APP140EP	lít	35	
3.8	Dầu côn HLPZ68	lít	25	
3.9	Nhân công tháo lắp, vệ sinh, bảo dưỡng cụm ly hợp, hộp số	Xe	01	
IV	Hệ thống thủy lực			
4.1	Bơm thủy lực.(TQ-BT24578)	Bộ	01	
4.2	Lọc dầu thủy lực.(H2)	Cái	01	
4.3	Lọc dầu thủy lực.(H3)	Cái	01	
4.4	Lọc dầu thủy lực.(H8)	Cái	01	
4.5	Xy lanh nâng lưỡi gạt	Cái	02	
4.6	Phốt xy lanh nâng lưỡi gạt T140	Bộ	02	
4.7	Tuy ô thủy lực.(5/8L=2,6)	Sợi	01	
4.8	Tuy ô thủy lực.(1/2=1,9)	Sợi	01	
4.9	Khớp cầu đầu ty lệch ben.(Ø100)	Bộ	02	
4.10	Khớp cầu đầu càng vuông.(Ø110)	Bộ	02	
4.11	Khớp cầu đuôi càng vuông.(Ø105)	Bộ	02	
4.12	Dầu thủy lực HPZ68	Lít	120	
4.13	Nhân công tháo lắp, vệ sinh, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống thủy lực	Xe	01	
V	Phần cầu xích, gầm, bộ			
5.1	Vòng bi giảm tốc cạnh.(TNT42314)	Vòng	02	

5.2	Vòng bi giảm tốc cạnh.(TNT2611)	Vòng	02	
5.3	Bi chữ thập các đăng.(37x104)	Bộ	02	
5.4	Quả ga lê tỷ 2 giờ. (T140)	Bộ	02	
5.5	Quả ga lê tỷ 4 giờ. (T140)	Bộ	02	
5.6	Bu lông M20x70	Bộ	30	
5.7	Dầu ga lê 4 giờ và 2 giờ (APP140EP)	lít	10	
5.8	Dầu bộ giảm tốc APP140EP	lít	50	
5.9	Dầu cầu APP140EP	lít	45	
5.10	Nhân công tháo lắp, vệ sinh, bảo dưỡng, sửa chữa phần cầu xích, gầm, bộ.	Xe	01	
VI	Phần điện, điều hoà			
8.1	Máy Phát điện.(KST45268-24V)	Bộ	01	
8.2	Đèn pha.(24V)	Cái	02	
8.3	Đèn lùi.(24V)	Cái	02	
8.4	Đồng hồ nhiệt độ nước.(24V)	Bộ	01	
8.5	Đồng áp xuất dầu bôi trơn động cơ.(24V)	Cái	01	
8.6	Còi điện.(24V)	Cái	02	
8.7	Lốc điều hoà. (T140)	Bộ	01	
8.8	Dàn nóng điều hoà. (T140)	Bộ	01	
8.9	Dàn lạnh. (T140)	Bộ	01	
8.10	Quạt dàn nóng. (T140)	Bộ	01	
8.11	Phin lọc ga. (T140)	Cái	01	
8.12	Gas điều hoà	kg	1,5	
8.13	Dầu lock điều hoà	Hộp	1	
8.14	Ty ô điều hoà	m	6	
8.15	Nhân công tháo lắp, vệ sinh, bảo dưỡng và sửa chữa phần điện và điều hoà	Xe	01	

II. Vật tư tiêu hao phụ

STT	Vật tư phụ	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Căn lá 0.02 – 1.5	Kg	01	
2	Giấy giáp thô, tinh	Cuộn	02	
3	Đá xếp đánh bóng	Viên	05	
4	Chổi rửa	Cái	10	
5	Chổi đánh gỉ lắp trên máy	Cái	20	
6	Giẻ lau	Kg	10	
7	Dầu rửa	lít	20	

8	Keo chịu dầu	Tuýp 75 g	4	
9	Sơn chống rỉ	Kg	10	
10	Sơn màu	Kg	10	
11	Que hàn 7016	Kg	25	

***** Ghi chú:**

- Căn cứ vào khối lượng công việc nhà cung cấp nghiên cứu, khảo sát các thiết bị nêu trên để đưa ra thiết bị vận chuyển và máy thi công cho hợp lý.